TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2025
V/v: *"Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Duy Khương**

Ông **Hà Ứng Cương**

Thư ký phiên toà: Bà **Trần Thị Như Ngọc** - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trương Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 248/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1981 (Có đơn xin vắng mặt)

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn H**, sinh năm 1978 (Vắng mặt lần thứ hai không lý do)

Cùng địa chỉ: Ấp PN, xã MT B, huyện CT, tỉnh KG (nay là ấp PNinh, xã CT, tỉnh AG).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Vào năm 2000, chị và anh Phạm Văn H chung sống vợ chồng trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp

luật. Vợ chồng chị được UBND xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn số 12 ngày 18/02/2001.

Trong thời gian chung sống, chị và anh H có 02 người con chung tên Phạm Thị Thu G, sinh ngày 26/11/2001 và Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/9/2012; không có tài sản chung và không có nợ chung.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chị hạnh phúc, thời gian về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Từ đó, chị và anh H phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Mặc dù, chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng anh H vẫn không thay đổi. Chị và anh H đã sống ly thân với nhau khoảng 05 năm nay và không có biện pháp nào hàn gắn cuộc sống gia đình.

Nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn H.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cháu Phạm Thị Thu G, sinh ngày 26/11/2001 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất lẫn tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đồng ý giao cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/9/2012 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Huyền với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Phạm Văn H đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H đều không có mặt và không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị Lê Thị T.

*** Tại phiên tòa:**

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về xác định thẩm quyền, thu thập chứng cứ, yêu cầu đương sự cung cấp chứng cứ, thủ tục tống đạt văn bản tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký tuân thủ trình tự tố tụng tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cháu Phạm Thị Thu G, sinh ngày 26/11/2001 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét; giao cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/9/2012 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi cháu Huyền với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Huyền đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị T khởi kiện tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung với bị đơn anh Phạm Văn H có nơi thường trú tại ấp Phước Ninh, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là ấp Phước Ninh, xã Thạnh Lộc, tỉnh An Giang). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 - An Giang).

Anh Phạm Văn H chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện của chị Lê Thị T, mặc dù Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng anh H vẫn vắng mặt đến lần thứ hai không lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Phạm Văn H là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn H chung sống vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn do anh H không lo làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình nên vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt.

Thực tế, chị T và anh H đã sống ly thân với nhau khoảng 05 năm nay và không có biện pháp nào để hàn gắn cuộc sống gia đình. Chị T xác nhận, hiện nay chị không còn tình cảm với anh H, chị và anh H đã không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh H đã kéo

dài, trầm trọng dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của chị Lê Thị T về việc xin ly hôn với anh Phạm Văn H là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị T xác nhận, trong thời gian chung sống, chị và anh Phạm Văn H có 02 người con chung tên Phạm Thị Thu G, sinh ngày 26/11/2001 và Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/9/2012; hiện nay cháu Giang đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị đồng ý giao cháu Huyền cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng; chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Huyền với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù anh H chưa có ý kiến về việc nuôi con nhưng trong thời gian chị T và anh H sống ly thân với nhau cho đến nay thì anh H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/9/2012. Bên cạnh đó, cháu Huyền cũng có nguyện vọng được ở chung với cha. Do đó, HĐXX thống nhất, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc nuôi con chung, giao cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/9/2012 cho anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu Huyền.

Chị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Huyền với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện nêu trên.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập anh H theo quy định pháp luật nhưng anh H vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Toà án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa chị T và anh H được. Mặt khác, trong quá trình giải vụ án tại Toà án, chị T xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh H, anh chị không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về phần tài sản chung và nợ chung HĐXX không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị T là nguyên đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T. Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn H.

2. Về con chung: Cháu Phạm Thị Thu G, sinh ngày 26/11/2001 đã trưởng thành, không có nhược điểm về thể chất và tinh thần, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Giao cháu Phạm Thị Thu H, sinh ngày 24/9/2012 cho anh Phạm Văn H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc cấp dưỡng nuôi cháu Huyền, cụ thể: chị T sẽ cấp dưỡng nuôi cháu Huyền với số tiền 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Huyền đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng là vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng lần đầu vào ngày 05/10/2025.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và tiền án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010745 ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang; chị T phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thảo

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ.